TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2024/DS-ST
Ngày: 23/5/2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Nam Hưng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2022 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1828/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đồng Thị Hồng G**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số B Tổ C, ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:
Bà **Văn Thị Diễm T**, sinh năm 1976. (có mặt)
Địa chỉ: Số F đường N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 03835 ngày 02/3/2022 lập tại Phòng C5, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Ông **Đồng Văn T1**, sinh năm 1948. (có mặt)
Địa chỉ: Số D đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện ủy quyền của bị đơn:
Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1999. (có mặt)
Địa chỉ: Số F Tỉnh lộ 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 04847 ngày 01/4/2024 lập tại Phòng C5, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đồng Văn T2**, sinh năm 1932, chết năm 1977.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Văn T2, trong đó có:

1.1. Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1936, không rõ địa chỉ.

1.2. Bà **Đồng Thị Mai H**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số A đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai H :

Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số F đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số công chứng 341 ngày 23/01/2024, lập tại Văn phòng C6).

1.3. Bà **Đồng Thị Mai H1**, sinh năm 1963, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

1.4. Bà **Đồng Thị Thu T3**, sinh năm 1964, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

1.5. Ông **Đồng Minh T4**, sinh năm 1965, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

1.6. Bà **Đồng Thị Mai C**, sinh năm 1967, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

1.7. Bà **Đồng Thị Tuyết T5**, sinh năm 1968, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

1.8. Ông **Đồng Quốc T6**, sinh năm 1971, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

2. Ông **Đồng Văn Đ** (tên gọi khác Nguyễn Văn C1), sinh năm 1935, chết năm 1994.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Văn Đ (Nguyễn Văn C1):

2.1. Bà **Đinh Thị Đ1**, sinh năm 1935. (xin vắng mặt)

2.2. Ông **Nguyễn Trường A**, sinh năm 1960. (xin vắng mặt)

2.3. Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1968. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp F T, V, Thành phố Cần Thơ.

2.4. Ông **Nguyễn Trường M**, chết năm 2016.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Trường M:

2.4.1. Bà **Hoàng Thị Tố L1**, sinh năm 1967. (xin vắng mặt)

2.4.2. Bà **Nguyễn Thị Minh N**, sinh năm 1984. (xin vắng mặt)

2.4.3. Ông **Nguyễn Hoàng Đ2**, sinh năm 1986. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: B đường T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5. Bà **Nguyễn Thị Kim L2**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6. Bà **Nguyễn Kim P1**, sinh năm 1971. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Ông **Lê Hoàng C2**, sinh năm 1943, chết năm 1984.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng C2:

3.1. Bà **Nguyễn Thị L2**, sinh năm 1943, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

3.2. Bà **Lê Hồng P2**, sinh năm 1975, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

3.3. Ông **Lê Hoàng L3**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: 125 đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông **Đồng Ngọc H2 (Đồng Ngọc H3)**, sinh năm 1943, chết năm 2019.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Ngọc H2 (Đồng Ngọc H3):

4.1. Ông **Đồng Minh Đ3**, chết ngày 17/10/2022.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Minh Đ3:

4.1.1. Bà **Trần Thị Thanh X1**, sinh năm 1974. (xin vắng mặt)

4.1.2. Ông **Đồng Minh T7**, sinh năm 1999. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số E đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Ông **Đồng Thành N1**, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B Tổ C, ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông **Đồng Văn Q**, sinh năm 1951, không rõ năm chết.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Văn Q:

5.1. Bà **Nguyễn Huỳnh Thị Y (Yvonne Huynh Y)**, sinh năm 1952.

5.2. Ông **Đồng Trung H4 (Herman H)**, sinh năm 1976.

5.3. Ông **Đồng Đình Đ4 (Dang D)**, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: D W, S, CA 92115.

Người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Huỳnh Thị Y (Yvonne Huynh Y), ông Đồng Trung H4 (Herman H), ông Đồng Đình Đ4 (Dang D):

- Ông **Đinh Quang T8**, sinh năm 1964. (vắng mặt)
- Bà **Nguyễn Thị Kim L2**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số F đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19/12/2022).

6. Ông **Nguyễn Minh H5**, sinh năm 1990. (xin vắng mặt)

7. Bà **Mai Thị Ngọc Á**, sinh năm 1994. (xin vắng mặt)

8. Bà **Lê Thụy Bích D**, sinh năm 1973. (xin vắng mặt)

9. Bà **Đoàn Lê T9**, sinh năm 1999. (xin vắng mặt)

10. Ông **Lê Công H6**, sinh năm 1997. (xin vắng mặt)

11. Ông **Võ Thành S1**, sinh năm 1987. (xin vắng mặt)

12. Bà **Phan Thị Thu T10**, sinh năm 1987. (xin vắng mặt)

13. Bà **Hồ Thị H7**, sinh năm 1969. (xin vắng mặt)

14. Ông **Nguyễn Văn H8**, sinh năm 1970. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Văn Thị Diễm T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đồng Thị Hồng G trình bày:

Nhà đất tại số A (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông bà nội của nguyên đơn là ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 tạo lập.

1/ Những người thừa kế theo pháp luật của ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 gồm:

- Cha của ông Đồng Văn V là ông Đồng Văn M1, đã chết trước ông V, không có giấy chứng từ.
- Mẹ của ông Đồng Văn V là bà Nguyễn Thị T11, đã chết trước ông V, không có giấy chứng tử

- Cha của bà Nguyễn Thị H9 là ông Nguyễn S2, đã chết trước bà H9, không có giấy chứng tử.

- Mẹ của bà Nguyễn Thị H9 là bà Nguyễn Thị N2, đã chết trước bà H9, không có giấy chứng tử.

2/ Ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 chung sống với nhau có 10 người con chung gồm:

- Ông Đồng Văn C3, sinh năm 1930, đã chết lúc 6 tuổi.

- Ông Đồng Văn T2, sinh năm 1932, chết. Ông T2 có vợ tên Phạm Thị X, hiện ở nước ngoài, có trên 10 người con nhưng không có thông tin liên lạc. Hiện nay nguyên đơn chỉ xác định được một người con của ông T2 là bà Đồng Thị Mai H, sinh năm 1959.

- Ông Đồng Văn Đ, tên gọi khác là Nguyễn Văn C1, sinh năm 1934, chết. Ông Đ có vợ tên là Đinh Thị Đ1, sinh năm 1935 và các con là ông Nguyễn Trường A, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị Kim P sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Kim L2 sinh năm 1966; bà Nguyễn Kim P1 sinh năm 1971; ông Nguyễn Trường M đã chết, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 sinh năm 1967 và 02 con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2.

- Ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2), sinh năm 1937, chết năm 1977. Ông T12 có vợ là bà Nguyễn Thị L2 và 02 con là Lê Hồng P2, Lê Hoàng L3. Hiện nay nguyên đơn chỉ xác định được địa chỉ một người con là Lê Hoàng L3.

- Ông Đồng Ngọc H2 (Đồng Ngọc H3), sinh năm 1940, chết. Có 03 người con là bà Đồng Thị Hồng G, ông Đồng Minh Đ3, ông Đồng Thành N1.

- Ông Đồng Văn S3, sinh năm 1943, chết lúc nhỏ.

- Bà Đồng Thị C4, sinh năm 1945, chết năm 1973, độc thân.

- Ông Đồng Văn T1, sinh năm 1948, là bị đơn.

- Ông Đồng Văn Q, sinh năm 1951, chết ở Mỹ. Ông Q có vợ là bà Huỳnh Thị Y, 02 người con là ông Đồng Đình Đ4, ông Đồng Trung H4, hiện đang ở Mỹ.

- Ông Đồng Mạnh H10, sinh năm 1954, chết, độc thân.

Ông Đồng Văn V (chết năm 1965) và bà Nguyễn Thị H9 (chết năm 1990). Từ khi ông bà nội của nguyên đơn mất, chú của nguyên đơn là ông Đồng Mạnh H10 tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà trên để thờ cúng ông bà.

Năm 2017, sau khi ông Đồng Mạnh H10 mất, ông Đồng Văn T1 đã toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà trên.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất số A (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thành 06 phần cho những người thừa kế của ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 gồm: ông Đồng Văn T2, ông Đồng Văn Đ (Nguyễn Văn C1), ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2), ông Đồng Ngọc H2 (Đ), ông Đồng Văn T1, ông Đồng Văn Q.

Bà Đồng Thị Hồng G đồng ý cho ông Đồng Văn T1 phần di sản mà bà được hưởng từ cha ruột là ông Đồng Ngọc H2 (Hiềng).

Nguyên đơn thống nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023, Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023 và Chứng thư thẩm định giá số 0317/1023/CT-SGL ngày 22/3/2023 của Công ty TNHH T14.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đồng Văn T1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc căn nhà 172/21 (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là do ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 tạo lập, hàng thừa kế theo quy định pháp luật của ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9. Bị đơn cũng chỉ biết thông tin về những đồng thừa kế như nguyên đơn đã trình bày, ngoài ra bị đơn cũng không biết thông tin nào khác của những đồng thừa kế đó.

Ngày 17/3/2021 giữa bị đơn và ông Nguyễn Trường A có ký biên nhận với nội dung ông A nhận trước của bị đơn số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) trên số tiền được nhận thừa kế đối với căn nhà số A (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Bị đơn đã giao đủ số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) trên cho ông Nguyễn Trường A. Biên bản trên đã được ông Nguyễn Công M2, bà Đồng Thị Mai H và ông Đồng Minh Đ3 ký xác nhận làm chứng.

Ngày 17/3/2021 giữa bị đơn và bà Đồng Thị Mai H có ký biên nhận với nội dung bà H nhận trước của bị đơn số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) trên số tiền được nhận thừa kế đối với căn nhà số A (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Bị đơn đã giao đủ số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) trên cho bà Đồng Thị Mai H. Biên bản trên đã được ông Nguyễn Công M2, ông Đồng Minh Đ3 và ông Nguyễn Trường A ký xác nhận làm chứng.

Nay ông Nguyễn Trường A, bà Đồng Thị Mai H không đồng ý tặng cho bị đơn phần thừa kế của mình trong căn nhà số A (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản thỏa thuận nên bị đơn yêu cầu ông A và bà H phải trả lại số tiền đã nhận.

Bị đơn đồng ý chia theo pháp luật nhà đất số 172/21 (Số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thành 06 phần với những người thừa kế khác của cha và mẹ bị đơn.

Tuy nhiên, từ ngày ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 mất, bị đơn là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà 172/21 (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì căn nhà xuống cấp trầm trọng nên năm 2021, bị đơn đã thuê người trùng tu, sửa chữa căn nhà trên theo Hợp đồng sửa nhà ngày 15/5/2021. Chi phí sửa chữa nhà là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng. Vì thời gian sửa nhà đã lâu nên hiện tại nguyên đơn không còn giữ

các biên lai mua chi phí vật tư xây dựng mà chỉ còn giữ lại Hợp đồng sửa nhà ngày 15/5/2021.

Do đó, ngày 06/3/2024 và ngày 18/03/2024, bị đơn đã nộp đơn phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Trường A hoàn trả lại cho ông Đồng Văn T1 số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng).

2. Buộc bà Đồng Thị Mai H hoàn trả lại cho ông Đồng Văn T1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng).

3. Buộc những người thừa kế của ông Đồng Văn T2, ông Đồng Văn Đ (Nguyễn Văn C1), ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2), ông Đồng Văn Q phải thanh toán lại cho ông Đồng Văn T1 chi phí sửa chữa nhà 172/21 (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo kỷ phần mà họ được hưởng. Cụ thể: những người thừa kế của ông Đồng Văn T2 phải trả số tiền 58.333.000 đồng; những người thừa kế của ông Đồng Văn Đ (Nguyễn Văn C1) phải trả số tiền 58.333.000 đồng; những người thừa kế của ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2) phải trả số tiền 58.333.000 đồng; những người thừa kế của ông ông Đồng Văn Q phải trả số tiền 58.333.000 đồng.

Vì những người thừa kế của ông Đống Ngọc H11 (Hiền) đã tặng cho bị đơn phần được nhận thừa kế của họ đối với căn nhà 172/21 (số cũ là 172/460) đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nên ông T1 không yêu cầu những người thừa kế của ông Đống Ngọc H11 (Hiền) thanh toán chi phí sửa chữa.

Bị đơn thống nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023, Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023 và Chứng thư thẩm định giá số 0317/1023/CT-SGL ngày 22/3/2023 của Công ty TNHH T14.

Bà Đồng Thị Mai H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Văn T2 có ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà là con của ông Đồng Văn T2, chết năm 1977 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1936. Hiện bà X đang ở Mỹ, không rõ địa chỉ. Ông T2 và bà X chung sống có 08 người con chung gồm:

1. Ông Đồng Ngọc H12, sinh năm 1954, chết năm 1980, độc thân.

2. Bà Đồng Thị Mai H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số A đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Đồng Thị Mai H1, sinh năm 1963, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

4. Bà Đồng Thị Thu T3, sinh năm 1964, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

5. Ông Đồng Minh T4, sinh năm 1965, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

6. Bà Đồng Thị Mai C, sinh năm 1967, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

7. Bà Đồng Thị Tuyết T5, sinh năm 1968, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

8. Ông Đồng Quốc T6, sinh năm 1971, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

Ngoài 08 người con nêu trên, ông T2 và bà X không có con nuôi, con riêng nào khác.

Bà H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 là có 10 người con chung. Do không có liên lạc thường xuyên nên bà H cũng không rõ địa chỉ cư trú hiện nay của các đồng thừa kế đó.

Bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với nhà đất tại số A T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh do ông nội Đồng Văn V và bà nội Nguyễn Thị H9 để lại.

Về phần di sản mà cha bà H được hưởng từ khối di sản trên, bà H xin được hưởng và tạm giữ cho mẹ cùng các anh chị em khác, nếu sau này họ liên hệ thì bà sẽ giao lại phần di sản mà họ được hưởng. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Bà thống nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023, Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023 và Chứng thư thẩm định giá số 0317/1023/CT-SGL ngày 22/3/2023 của Công ty TNHH T14.

Bà Đinh Thị Đ1, ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Kim P1, bà Nguyễn Thị Kim L2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Văn Đ (Nguyễn Văn C1) và bà Hoàng Thị Tố L1, bà Nguyễn Thị Minh N, ông Nguyễn Hoàng Đ2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Trường M tại các bản tự khai trình bày:

Các ông bà là con ruột của ông Đồng Văn Đ (Nguyễn Văn C1). Ông C1 chung sống với bà Đinh Thị Đ1 (sinh năm 1935) có 05 người con gồm: Nguyễn Trường A, sinh năm 1960; Nguyễn Trường M, chết năm 2016, có vợ là Hoàng Thị Tố L1 (sinh năm 1967) và 02 người con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2 (sinh năm 1986); Nguyễn Thị Kim L2; Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1968; Nguyễn Kim P1, sinh năm 1971.

Ngoài 05 người con nêu trên, ông C1 không có con riêng, con nuôi. Ngoài bà Đ1, ông C1 cũng không chung sống với ai.

Căn nhà số A T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là do ông bà nội ông Đồng Văn V (chết năm 1965) và bà Nguyễn Thị H9 (chết năm 1990) tạo lập. Ông V và bà H9 chung sống có 10 người con chung như lời trình bày của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các ông bà đồng ý và thống nhất chia thừa kế nhà đất tại số A T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các ông bà xin được hưởng phần di sản thừa kế bằng giá trị do cha là ông Nguyễn Văn C1 để lại. Vì điều kiện ở xa, khó đi lại nên các ông, bà đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xét xử.

Ông Lê Hoàng L3 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng C2 (Đ) trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân cũng như về nguồn gốc tài sản tranh chấp. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chia thừa kế nhà đất tại số A T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật cho những người thừa kế của ông Đồng Văn V, bà Nguyễn Thị H9.

Ông Lê Hoàng C2 (Đ) là con của ông Đồng Văn V, bà Nguyễn Thị H9. Ông C2 đã chết. Ông C2 có vợ là bà Nguyễn Thị L2 và 02 con là bà Lê Hồng P2, ông Lê Hoàng L3. Hiện nay bà L2, bà P2 hiện ở Mỹ; ông L3 không cung cấp được địa chỉ của bà L2, bà P2.

Ông L3 xin được hưởng phần di sản mà cha ông Lê Hoàng C2 được hưởng từ ông bà nội Đồng Văn Vũ, Nguyễn Thị H9. Ông xin tạm giữ cho bà L2, bà P2; nếu sau này liên hệ được thì ông sẽ giao lại phần di sản mà họ được hưởng. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ông Đồng Thành N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Ngọc H2 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân cũng như về nguồn gốc tài sản tranh chấp. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chia thừa kế nhà đất tại số A T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật cho những người thừa kế của ông Đồng Văn V, bà Nguyễn Thị H9.

Ông Đồng Minh Đ3 là con ông Đồng Ngọc H2, chết ngày 17/10/2022. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Minh Đ3 gồm vợ là bà Trần Thị Thanh X1, sinh năm 1974 và con là ông Đồng Minh T7, sinh năm 1999.

Ông N1 đồng ý tặng cho phần thừa kế của ông được hưởng từ cha là ông Đồng Ngọc H2 cho ông Đồng Văn T1.

Ông thống nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023, Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023 và Chứng thư thẩm định giá số 0317/1023/CT-SGL ngày 22/3/2023 của Công ty TNHH T14.

Ông Đồng Minh T7 và bà Trần Thị Thanh X1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Minh Đ3 trình bày:

Ông Đồng Minh Đ3 (chết năm 2022) và bà Trần Thị X1, sinh năm 1974 kết hôn và chung sống có 01 người con chung là Đồng Minh T7, sinh năm 1999. Ngoài ra, ông Đ3 không có con nuôi, con riêng nào khác.

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về hàng thừa kế của ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 là có 10 người con chung. Do không có liên lạc thường xuyên nên không rõ địa chỉ cư trú hiện nay của các đồng thừa kế đó.

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với nhà đất tại số A T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 để lại.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà X1 và ông T7 đồng ý tặng cho phần thừa kế mà ông bà được hưởng từ ông Đồng Minh Đ3 trong phần thừa kế của ông Đồng Ngọc H2 cho ông Đồng Văn T1. Đồng thời bà X1, ông T7 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Thống nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023, Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023 và Chứng thư thẩm định giá số 0317/1023/CT-SGL ngày 22/3/2023 của Công ty TNHH T14.

Bà Nguyễn Thị Kim L2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Huỳnh Thị Y (Yvonne Huynh Y), ông Đồng Trung H4 (Herman H), ông Đồng Đình Đ4 (Dang D) trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chia thừa kế nhà đất tại số A T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

Ông Đinh Quang T8 cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, ông Đồng Trung H4, ông Đồng Đình Đ4 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Văn Q tại Văn bản ngày 18/5/2023 trình bày ý kiến như sau:

Căn nhà tọa lạc tại địa chỉ 1 (số cũ là 1) T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh trước đây thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H9. Căn nhà có hiện trạng 08 phòng gồm 04 phòng trệt và 04 phòng lầu.

Ngày 10/10/1982 bà H9 đã lập "Giấy chia gia tài" để chia căn nhà trên cho 08 người con gồm ông Đồng Ngọc H3, ông Đồng Văn T1, ông Đồng Văn Q, ông Đồng Mạnh H10, ông Nguyễn Văn C1, ông Lê Hoàng C2 mỗi người 01 phòng. Phần còn lại dùng làm nhà thờ cúng giỗ tổ tiên do ông Đồng Mạnh H10 trực tiếp quản lý.

Ông Q được hưởng 1/8 quyền sở hữu di sản của bà H9 để lại. Năm 2008 ông Q chết không để lại di chúc do đó phần di sản của ông Q thuộc quyền sở hữu

của vợ con là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, ông Đồng Trung H4, ông Đồng Đình Đặng .

Di sản của ông Q để lại là một phần gắn liền với phòng số 1 và số 02 (là hai phòng dùng làm nhà thờ cúng) theo giấy chia gia tài ngày 10/10/1982 của bà H9. Mặt khác theo biên bản họp của các con bà H9 vào ngày 24/6/1988 (thành phần gồm ông Nguyễn Văn C1, ông Đồng Ngọc H3, ông Đồng Văn Q, ông Đồng Mạnh H10) có ghi nhận: "Hiềng chỉ nhận phòng số 01 và số 02 khi Q không còn ở nhà này nữa để trông coi gìn giữ vì là của chung để cho anh em, con cháu chắt ở xa về có nơi lưu trú". Do đó, di sản là căn nhà 1 T không thể phân chia theo ý chí của người đã chết.

Nay, bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, ông Đồng Trung H4, ông Đồng Đình Đ4 không đồng ý bán căn nhà cho bất cứ ai mà chỉ làm nơi thờ cúng theo ý nguyện của ông bà tổ tiên. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G.

Ông T8 xác định không cung cấp được bản chính giấy chia gia tài của bà H9 ngày 10/10/1982 và biên bản họp của các con bà H9 ngày 24/6/1988.

Tòa án đã triệu tập ông Đinh Quang T8 để tham gia các buổi hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông T8 vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Mai Thị Ngọc Á, ông Nguyễn Minh H5, bà Phan Thị Thu T10, ông Võ Thành S1, ông Nguyễn Văn H8, bà Đoàn Lê T9, ông Lê Công H6, bà Lê Thụy Bích D, bà Hồ Thị H7 có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản khai trình bày:

Các ông bà là người thuê nhà tại địa chỉ: 1 T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nên hoàn toàn không liên quan đến vụ án tranh chấp. Vì thế các ông bà không thể trực tiếp tham gia vụ án.

Vì vậy, các ông bà làm đơn này đề nghị được vắng mặt trong tất các các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

- Vụ án tranh chấp có bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, ông Đồng Trung H4, ông Đồng Đình Đ4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Văn Q đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, nguyên đơn, bị đơn đều trình bày có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế theo pháp luật nhưng không cung cấp được địa chỉ. Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập, xác minh địa chỉ của những người này theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của những người đó, không xác định được những người đó còn sống hay đã chết. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án. Phần tài sản mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ được nhận thì Tòa án tạm giao cho người thân thích của người đó hoặc người thừa kế khác quản lý. Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Tòa án đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 03/5/2024 nhưng hoãn phiên tòa do vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 474, 475, 476, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ nhân thân:

Nguyên đơn, bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt trong quá trình giải quyết vụ án đều thống nhất trình bày ông Đồng Văn V (chết năm 1965) và bà Nguyễn Thị H9 (chết năm 1990) là vợ chồng.

- Cha của ông Đồng Văn V là ông Đồng Văn M1, chết trước ông V, không có giấy chứng tử.

- Mẹ của ông Đồng Văn V là bà Nguyễn Thị T11, chết trước ông V, không có giấy chứng tử.

- Cha của bà Nguyễn Thị H9 là ông Nguyễn S2, chết trước bà H9, không có giấy chứng tử.

- Mẹ của bà Nguyễn Thị H9 là bà Nguyễn Thị N2, chết trước bà H9, không có giấy chứng tử.

- Ông V, bà H9 có 10 người con chung là:

1/ Ông Đồng Văn C3, sinh năm 1930, đã chết lúc 6 tuổi.

2/ Ông Đồng Văn T2, sinh năm 1932, chết năm 1977. Ông T2 có vợ tên Phạm Thị X, sinh năm 1936, không rõ địa chỉ và các con gồm bà Đồng Thị Mai H, sinh năm 1959; bà Đồng Thị Mai H1, sinh năm 1963, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ; bà Đồng Thị Thu T3, sinh năm 1964, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ ; Ông Đồng Minh T4, sinh năm 1965, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ ; Bà Đồng Thị Mai C, sinh năm 1967, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ ; Bà Đồng Thị Tuyết T5, sinh năm 1968, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ; Ông Đồng Quốc T6, sinh năm 1971, hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

3/ Ông Đồng Văn Đ, tên gọi khác là Nguyễn Văn C1, sinh năm 1935, chết năm 1994. Ông Đ có vợ tên là Đinh Thị Đ1, sinh năm 1935 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị Kim P sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Kim L2 sinh năm 1966; bà Nguyễn Kim P1 sinh năm 1971; ông Nguyễn Trường M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con bà Nguyễn Thị Minh N sinh năm 1984, ông Nguyễn Hoàng Đ2 sinh năm 1986.

4/ Ông Đồng Thiên T12, tên gọi khác là Lê Hoàng C2, sinh năm 1937, chết năm 1977. Ông T12 có vợ là bà Nguyễn Thị L2 và 02 con là bà Lê Hồng P2, ông Lê Hoàng L3. Hiện nay bà L2, bà P2 hiện ở Mỹ, không rõ địa chỉ.

5/ Ông Đồng Ngọc H2, sinh năm 1940, chết năm 2019. Có vợ là bà Nguyễn Thị T13 đã chết năm 2018 và 03 người con là bà Đồng Thị Hồng G sinh năm 1980, ông Đồng Thành N1 sinh năm 1975, ông Đồng Minh Đ3 chết năm 2022 có vợ là bà Trần Thị Thanh X1 sinh năm 1974 và con là Đồng Minh T7 sinh năm 1999.

6/ Ông Đồng Văn S3, sinh năm 1943, chết lúc nhỏ.

7/ Bà Đồng Thị C4, sinh năm 1945, chết năm 1973, độc thân.

8/ Ông Đồng Văn T1, sinh năm 1948.

9/ Ông Đồng Văn Q, sinh năm 1951, chết ở Mỹ. Ông Q có vợ là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y và có 02 người con là ông Đồng Đình Đ4, ông Đồng Trung H4, hiện đang ở Mỹ.

10/ Ông Đồng Mạnh H10, sinh năm 1954, chết, độc thân.

[2.2] Tòa án đã ra Quyết định số 2997/2023/QĐ-CCTLCC ngày 16/3/2023 yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về những người mà các đương sự khai đã chết, về chồng hay vợ, con của những người đã chết hay chứng cứ chứng minh về những người chết là độc thân. Tuy nhiên đương sự không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ nhân thân của những người mà các đương sự trình bày và được các cơ quan chức năng cung cấp các văn bản như sau:

- Tại Tờ cam kết ngày 05/11/1989 bà Nguyễn Thị H9 gửi Phòng X2 có nội dung:

“Bà H9 có những người con sau:

1/ Đồng Văn C3, sinh năm 1930 tại Nam Định, chết lúc 06 tuổi.

2/ Đồng Văn T2, sinh năm 1932 tại Nam Định, vượt biên chết năm 1977.

3/ Đồng Văn Đ (Nguyễn Văn C1), sinh 1934 tại Nam Định. Hiện ở ấp A, T, Hậu Giang.

4/ Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2), sinh 1937 tại Nam Định, vượt biên chết năm 1977.

5/ Đồng Ngọc H3, sinh năm 1940 tại Nam Định. Hiện ở ấp B, khu phố D, thị trấn A, huyện B.

6/ Đồng Văn S3, sinh năm 1943, chết năm 1948.

7/ Đồng Thị C4, sinh năm 1945, chết năm 1973.

8/ Đồng Văn T1, sinh 1948. Hiện ở số A Lô B.

9/ Đồng Văn Q, sinh năm 1951. Hiện ở 1 T, Phường I, Quận E.

10/ Đồng Mạnh H10, sinh năm 1954. Hiện ở 1 T, Phường I, Quận E.

- Tại Phiếu xác minh ngày 17/6/2022 của Công an P4, Quận E có nội dung:

“1. Cha mẹ của ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 không có hồ sơ thể hiện thông tin.

Cha mẹ của ông Đồng Mạnh H10 (Cha Đ, chết 1965 – mẹ Nguyễn Thị H9, chết 1990)

2. Ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 là vợ chồng. Ông Đồng Mạnh H10 không có hồ sơ thông tin thể hiện đã kết hôn.

3. Con của ông Đồng Văn V và bà Nguyễn Thị H9 gồm:

- Ông Đồng Văn T2, sinh năm 1933.

- Ông Đồng Ngọc H2, sinh năm 1943.

- Ông Đồng Văn T1, sinh năm 1948.

- Ông Đồng Văn Q, sinh năm 1951.

- Ông Đồng Mạnh H10, sinh năm 1954.

Qua rà soát xác minh hồ sơ lưu trữ tại Tàng thư Công an Q1, Công an P4, Quận E chỉ nắm, thu thập được các thông tin trên”.

- Tại Công văn số 125/CAP9-Q5 ngày 22/3/2023 của Công an P4, Quận E xác định:

“Qua tra cứu hồ sơ lưu tại Công an Q1 căn cứ trên bản khai nhân khẩu của bà Nguyễn Thị H9 khai năm 1976 thể hiện chồng và con gồm những người có tên sau: Chồng Đồng Văn V sinh năm 1908; con Đồng Văn T2 sinh năm 1933; con Đồng Ngọc H3 sinh năm 1943; con Đồng Văn T1 sinh năm 1948; con Đồng Văn Q sinh năm 1951; con Đồng Mạnh H10 sinh năm 1954.

Căn cứ bản khai nhân khẩu của bà Nguyễn Thị H9 khai năm 1976 chỉ thể hiện chồng và các con có tên trên nên Công an P4, Quận E không có căn cứ để xác định các nhân khẩu còn lại cũng như cung cấp thêm mối quan hệ con của ông V, bà H9.

Các ông bà gồm Đồng Văn C3, Đồng Văn Đ, Đồng Thiên T12, Đồng Văn S3, Đồng Thị C4 qua rà soát hồ sơ lưu tại Công an Q1 không có tài liệu chứng minh có các tên nhân khẩu trên có hộ khẩu thường trú tại 1 (172/460) T, Phường I, Quận E nên không có căn cứ xác định các nhân khẩu trên còn sống hay đã chết. Riêng ông Đồng Văn Q sinh năm 1951 thể hiện đã xóa hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 1 (172/460) Trần P3 theo diện xuất cảnh tháng 3/1992."

- Công văn số 222/TP-HT ngày 21/4/2023 của Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân Quận 5 trả lời "Qua kiểm tra cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, không tìm thấy trường hợp đăng ký khai tử của ông Lê Hoàng C2".

- Tờ khai gia đình ngày 20/9/1974 do Công an Q1 cung cấp thể hiện: bà Nguyễn Thị H9 là gia trưởng, con Đồng Văn T1 sinh năm 1948, con Đồng Mạnh H10 sinh năm 1954, cháu Lê Hoàng C2 sinh năm 1943.

- Nguyên đơn cung cấp Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 09/10/1997 của bà Nguyễn Thị H9 có nội dung "bà H9 kê khai di sản thừa kế của ông Đồng Văn V chết năm 1965, bà H9 khai cha mẹ ông V đã chết từ lâu, vợ Nguyễn Thị H9, con Đồng Ngọc H3, Đồng Văn T1, Đồng Mạnh H10, Đồng Văn Q".

- Trích lục bộ khai tử ngày 17/3/1965 thể hiện ông Đồng Văn V chết năm 1965. Trích lục khai tử ngày 08/7/2019 thể hiện ông Đồng Ngọc H2 chết năm 2019.

- Trích lục khai tử của bà Nguyễn Thị T13, ông Đồng Mạnh H10, bà Nguyễn Thị H9.

Như vậy, từ lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, Hội đồng xét xử xác định ông Đồng Văn V, bà Nguyễn Thị H9 có 10 người con theo đúng như lời trình bày của các đương sự. Hiện nay, trong 10 người con có 01 người còn sống là ông Đồng Văn T1; 04 người con là ông Đồng Văn C3, bà Đồng Thị C4, ông Đồng Văn S3, ông Đồng Mạnh H10 đã chết, độc thân, không có người thừa kế; 05 người con là ông Đồng Văn T2, ông Đồng Văn Đ (Nguyễn Văn C1), ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2), ông Đồng Ngọc H2, ông Đồng Văn Q đã chết, đều có người thừa kế.

[2.3] Về di sản thừa kế:

Theo bộ hồ sơ pháp lý liên quan đến căn nhà số A (số cũ 172/460) đường T, Phường I, Quận E do Phòng Quản lý đô thị Quận E cung cấp cho Tòa án thể hiện:

- Ngày 10/10/1982 bà Nguyễn Thị H9 có *Giấy chia gia tài* với nội dung "Bà là chủ căn nhà 1 đường T, Phường I, Quận E, bà bằng lòng chia 08 căn phòng trong căn nhà cho các con và các cháu mỗi người một phòng, còn 02 phòng dùng để làm nhà thờ cúng giỗ cha mẹ tổ tiên. Số phòng được chia như sau: căn phòng

số 5 cho Đồng Ngọc H3, căn phòng số 8 cho Đồng Văn T1, căn phòng số 3 cho Đồng Văn Q, căn phòng số 7 cho Đồng Mạnh H10, căn phòng số 4 cho Nguyễn Văn C1, căn phòng số 6 cho Lê Hoàng C2, phòng số 1 và số 2 dùng làm nhà thờ cúng giỗ tổ tiên do Đồng Mạnh H10 quản lý".

- Ngày 31/10/1989 bà H9 có *Đơn xin hợp thức hóa chủ quyền nhà* số A T, Phường I, Quận E, nguồn gốc bà H9 khai do bà mua vào năm 1959, bà và gia đình ở từ năm 1959.

- Ngày 05/11/1989 bà Nguyễn Thị H9 có Tờ cam kết gửi Phòng X2 với nội dung: *"Bà có 10 người con... Bà H9 cam kết những người con của bà đều đồng ý cho bà đứng tên chủ quyền căn nhà số A T, Phường I, Quận E do chính bà mua từ năm 1959 đến nay không ai tranh chấp".* Tờ cam kết của bà H9 được Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E xác nhận.

- Ngày 21 tháng 12 năm 1989 Ủy ban nhân dân Quận E cấp Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 1167/GP-UB đối với căn nhà số A đường T, Phường I, Quận E cho bà Nguyễn Thị H9 (chồng Đồng Văn V, chết 1965).

Như vậy, từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định nhà đất tại số A nay là số A đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh được tạo lập trong thời kỳ ông V, bà H9 là vợ chồng, khi ông V còn sống; do đó đây là tài sản chung của ông Đồng Văn V (sinh năm 1908, chết năm 1965) và bà Nguyễn Thị H9 (sinh năm 1910, chết năm 1990). Ông V, bà H9 đã chết nên nhà đất được xác định là di sản thừa kế của ông V, bà H9.

[2.4] Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đồng Văn Q gồm bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, ông Đồng Trung H4, ông Đồng Đình Đ4, hiện đang cư trú ở nước ngoài, có văn bản ủy quyền cho ông Đinh Quang T8 và bà Nguyễn Thị Kim L2 đại diện các ông bà tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên ông T8 và bà L2 lại có lời trình bày khác nhau.

Bà L2 xác định nhà đất tại số A nay là số A đường T, Phường I, Quận E là di sản thừa kế của ông V, bà H9 và đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn.

Trong khi đó ông T8 lại có văn bản trình bày: "…Khi còn sống bà H9 đã có Giấy chia gia tài ngày 10/10/1982, theo đó chia 08 căn phòng cho 08 người con và dành 02 căn phòng làm nhà thờ cúng; do đó không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn …".

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giấy chia gia tài do bà H9 lập ngày 10/10/1982, theo đó, bà H9 định đoạt đối với toàn bộ căn nhà số A nay là số A đường T, là vượt quá phần quyền của bà H9 đối với tài sản chung của bà H9, ông V. Mặt khác Giấy chia gia tài không đảm bảo về hình thức theo quy định pháp luật nên không được xem là Di chúc của bà H9. Giấy chia gia tài do bà H9 lập ngày 10/10/1982 nhưng đến năm 1989, khi tiến hành lập thủ tục hợp thức hóa chủ quyền nhà, bà H9 đã xác định bà là người đứng tên chủ quyền của nhà đất nêu trên, chứng tỏ ý định phân chia tài sản trước đây của bà H9 đã thay đổi. Sau đó, vào ngày 21/12/1989, Ủy ban nhân dân Quận E cấp Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà

số 1167/GP-UB đối với căn nhà số A đường T, Phường I, Quận E cho bà Nguyễn Thị H9 (chồng Đồng Văn V, chết 1965).

Đối với biên bản họp gia đình mà phía ông T8 cung cấp bản photo cũng không thể hiện được nội dung tất cả các đồng thừa kế của ông V, bà H9 thống nhất để căn nhà số A nay là số A đường T làm nhà thờ cúng; biên bản họp không có mặt đầy đủ các đồng thừa kế của ông V, bà H9.

Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của ông T8 về việc căn nhà số A (nay là số A đường T) đã được phân chia theo Giấy chia gia tài ngày 10/10/1982.

[2.5] Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đối với vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế theo pháp luật nhưng đương sự không cung cấp được địa chỉ; Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập, xác minh địa chỉ của những người này theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của người đó, không xác định được người đó còn sống hay đã chết thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Phần tài sản mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ được nhận thì Tòa án tạm giao cho người thân thích của người đó hoặc người thừa kế khác quản lý. Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Do đó, di sản của ông V, bà H9 là nhà đất số A đường T sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Hiện nay trong số 10 người con của ông V, bà H9 xác định được 06 người con là ông Đồng Văn T2, ông Đồng Văn Đ, ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2), ông Đồng Ngọc H2 (Hiền), ông Đồng Văn T1, ông Đồng Văn Q được hưởng di sản; còn 04 người con còn lại là ông Đồng Văn C3, ông Đồng Văn S3, bà Đồng Thị C4, ông Đồng Mạnh H10 đều đã chết, không có người thừa kế. Các đương sự đều thống nhất di sản sẽ được chia làm 06 phần cho 06 người con của ông V, bà H9; người con nào chết sẽ do vợ con của họ được hưởng, vợ con của 06 người con này sẽ tự phân chia di sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, di sản của ông V, bà H9 sẽ được chia thành 06 phần, cụ thể:

- Một phần cho ông Đồng Văn T2, tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông T2 đã chết nên sẽ do vợ con ông T2 hưởng. Hiện nay chỉ xác định được địa chỉ của một người con của ông T2 là bà Đồng Thị Mai H nên phần di sản của ông T2 được hưởng sẽ giao cho bà H. Việc phân chia di sản giữa vợ con ông T2 sẽ do họ tự giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Một phần cho ông Đồng Văn Đ, tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông Đ đã chết nên sẽ do vợ con của ông Đ hưởng. Ông Đ có vợ là bà Đinh Thị Đ1 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim P1, ông Nguyễn Trường M. Ông M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng

Đ2. Việc phân chia di sản giữa những người thừa kế của ông Đ sẽ do họ tự giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Một phần cho ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2), tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông T12 đã chết nên sẽ do vợ con ông T12 hưởng. Hiện nay chỉ xác định được địa chỉ của một người con của ông T12 là ông Lê Hoàng L3 nên phần di sản của ông T12 được hưởng sẽ giao cho ông L3. Việc phân chia di sản giữa vợ con ông T12 sẽ do họ tự giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Một phần cho ông Đồng Ngọc H2 (Đ), tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Ông H2 chết nên vợ con ông H2 được hưởng. Vợ ông H2 là bà Nguyễn Thị T13 (đã chết), 03 người con là Đồng Thị Hồng G, Đồng Thành N1, Đồng Minh Đ3. Ông Đồng Minh Đ3 đã chết, ông Đ3 có vợ là bà Trần Thị Thanh X1 và con là Đồng Minh T7.

Hiện nay bà Đồng Thị Hồng G, ông Đồng Thành N1 và vợ con ông Đồng Minh Đ3 là bà Trần Thị Thanh X1, ông Đồng Minh T7 đều đồng ý tặng cho ông Đồng Văn T1 phần di sản của ông H2 mà các ông bà này được nhận. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy ông T1 sẽ được nhận 1/6 giá trị nhà đất là phần di sản của ông H2.

- Một phần cho ông Đồng Văn T1, tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Cộng thêm phần di sản mà những người thừa kế của ông Đồng Ngọc H2 tặng cho thì tổng cộng ông T1 được nhận 1/3 giá trị nhà đất.

- Một phần cho ông Đồng Văn Q, tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông Q đã chết nên phần di sản của ông Q sẽ do vợ con của ông Q là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, ông Đồng Trung H4, ông Đồng Đình Đ4 được hưởng.

Giá trị nhà đất sẽ được xác định tại thời điểm thi hành án.

[2.6] Hiện nay, các đương sự đều xác định không ai có khả năng nhận nhà đất và đều có yêu cầu phát mãi tài sản để chia. Do đó, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản là nhà đất số A đường T để được hưởng phần giá trị tài sản theo quyết định của Tòa án, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc thi hành án.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

[3.1] Về yêu cầu thanh toán lại chi phí sửa chữa nhà:

Đối chiếu Họa đồ vị trí năm 1989 (vào thời điểm Ủy ban nhân dân Quận E cấp Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà cho bà H9, ông V) với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023, Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 28/02/2023 - thì hiện nay nhà đất số A đường T đã có thay đổi về hiện trạng.

Căn cứ theo Hợp đồng sửa nhà ngày 15/5/2021, lời xác nhận của ông Nguyễn Văn H13 là nhà thầu đứng ra sửa nhà, lời thừa nhận của các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định ông T1 là người đã bỏ ra chi

phí để trùng tu, sửa chữa lại hiện trạng căn nhà với số tiền là 350.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T1, buộc những người được hưởng di sản thừa kế của ông Đồng Văn T2, ông Đồng Văn Đ, ông Đồng Thiên T12, ông Đồng Văn Q phải trả cho ông T1 chi phí sửa chữa nhà tương đương với phần di sản mà họ được hưởng. Ghi nhận ông T1 không yêu cầu những người thừa kế của ông Đồng Văn H14 (H3) phải trả lại cho ông chi phí sửa chữa nhà.

Cụ thể:

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Văn T2 là bà Đồng Thị Mai H phải trả cho ông T1 số tiền 58.333.000 đồng;

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Đ là bà Đinh Thị Đ1 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim P1, ông Nguyễn Trường M, ông M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2 phải liên đới trả cho ông T1 số tiền 58.333.000 đồng;

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2) là ông Lê Hoàng L3 phải trả cho ông T1 số tiền 58.333.000 đồng;

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Q là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, Đồng Trung H4, Đồng Đình Đ4 phải liên đới trả cho ông T1 số tiền 58.333.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu ông Nguyễn Trường A, bà Đồng Thị Mai H trả lại số tiền đã nhận của bị đơn:

Theo Biên nhận ngày 17/3/2021 giữa ông Nguyễn Trường A và ông Đồng Văn T1 thể hiện nội dung: "ông Nguyễn Trường A có nhận của ông Đồng Văn T1 số tiền đưa trước 200.000.000 đồng trong số tiền thừa kế là 01 tỷ đồng...". Biên nhận có chữ ký của ông A, ông T1, người làm chứng là bà Đồng Thị Mai H, ông Đồng Minh Đ3, ông Nguyễn Công M2.

Cũng trong ngày 17/3/2021, bà Đồng Thị Mai H và ông Đồng Văn T1 có Biên nhận thể hiện nội dung: "bà Đồng Thị Mai H có nhận của ông Đồng Văn T1 số tiền đưa trước 50.000.000 đồng trong phần thừa kế số tiền 500.000.000 đồng...". Biên nhận có chữ ký của bà H, ông T1, người làm chứng là ông Nguyễn Trường A, ông Đồng Minh Đ3.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Trường A, bà Đồng Thị Mai H đã có thỏa thuận nhận trước tiền của ông Đồng Văn T1 tương đương một phần di sản thừa kế mà họ được hưởng tại nhà đất số A đường T; đổi lại thì ông A, bà H sẽ tặng cho lại ông T1 kỷ phần di sản mà họ được hưởng. Hiện nay, ông A, bà H không đồng ý tặng cho phần di sản thừa kế mà họ được hưởng tại nhà đất số A cho ông T1 nên việc ông T1 yêu cầu ông A, bà H phải trả lại cho ông số tiền đã nhận là có cơ sở.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T1, buộc ông A phải trả lại cho ông T1 số tiền 200.000.000 đồng và bà H phải trả lại cho ông T1 số tiền 50.000.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí đo vẽ, thẩm định giá, ủy thác tư pháp là 50.937.000 đồng (làm tròn). Các chi phí này sẽ do những người được hưởng di sản nộp, tương ứng với tỷ lệ kỷ phần mà họ được hưởng. Do nguyên đơn bà G đã tạm ứng toàn bộ chi phí đo vẽ, thẩm định giá, ủy thác tư pháp nên những người được hưởng di sản sẽ trả lại chi phí này cho bà G. Ghi nhận việc bà G không yêu cầu ông T1 phải trả lại cho bà các chi phí này.

Cụ thể:

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Văn T2 là bà Đồng Thị Mai H phải trả cho bà G số tiền 8.489.500 đồng;

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Đ là bà Đinh Thị Đ1 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim P1, ông Nguyễn Trường M; ông M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2 – phải liên đới trả cho bà G số tiền 8.489.500 đồng;

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2) là ông Lê Hoàng L3 phải trả cho bà G số tiền 8.489.500 đồng;

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Q là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, Đồng Trung H4, Đồng Đình Đ4 phải liên đới trả cho bà G số tiền 8.489.500 đồng.

[5] Về án phí:

Theo Chứng thư thẩm định giá số 0317/1023/CT-SGL ngày 22/3/2023 của Công ty TNHH T14 thì nhà đất tại số A T, Phường I, Quận E có tổng giá trị là 12.420.463.300 đồng.

Những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu chung án phí tương đương với phần di sản mà họ được hưởng; 1/6 giá trị nhà đất tương đương số tiền 2.070.077.500 đồng (làm tròn).

Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Đồng Văn T2, ông Đồng Văn Đ, ông Đồng Thiên T12, ông Đồng Văn Q phải nộp án phí trên số tiền chi phí sửa chữa nhà mà họ phải trả cho ông T1.

Ông Nguyễn Trường A, bà Đồng Thị Mai H phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho ông T1.

Do ông T1, bà H, ông A là người cao tuổi và có đơn nộp cho Tòa án nên được miễn nộp án phí.

Như vậy:

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Đ là bà Đinh Thị Đ1 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim P1, ông Nguyễn Trường M; ông M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2 – phải liên đới nộp án phí số tiền 74.568.500 đồng (làm tròn).

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2) là ông Lê Hoàng L3 phải nộp án phí số tiền 74.568.500 đồng (làm tròn);

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Q là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, Đồng Trung H4, Đồng Đình Đ4 phải liên đới nộp án phí số tiền 74.568.500 đồng (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 221, 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 của Luật Đất đai năm 1987, Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993, Điều 10, 49, 50, 52 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị Hồng G.

1. Xác định nhà đất tại số A nay là số A đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Đồng Văn V (sinh năm 1908, chết năm 1965) và bà Nguyễn Thị H9 (sinh năm 1910, chết năm 1990).

2. Chia di sản của ông Đồng Văn V, bà Nguyễn Thị H9 thành 06 (sáu) kỷ phần cho những người thừa kế theo pháp luật, cụ thể:

- Một kỷ phần cho ông Đồng Văn T2, tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông T2 đã chết nên sẽ do vợ con ông T2 hưởng. Hiện nay chỉ xác định được địa chỉ của một người con của ông T2 là bà Đồng Thị Mai H nên phần di sản của ông T2 sẽ giao cho bà H. Việc phân chia di sản giữa vợ con ông T2 sẽ do họ tự giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Một kỷ phần cho ông Đồng Văn Đ, tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông Đ đã chết nên sẽ do vợ con của ông Đ hưởng. Ông Đ có vợ là bà Đinh Thị Đ1 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim P1, ông Nguyễn Trường M; ông M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2. Việc phân chia di sản giữa những người thừa kế của ông Đ sẽ do họ tự giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Một kỷ phần cho ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2), tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông T12 đã chết nên sẽ do vợ con ông T12 hưởng. Hiện nay chỉ xác định được địa chỉ của một người con ông T12 là ông Lê Hoàng L3 nên phần di sản của ông T12 sẽ giao cho ông L3. Việc phân chia di sản giữa vợ con

ông T12 sẽ do họ tự giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Một kỷ phần cho ông Đồng Ngọc H2 (Đ), tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông H2 đã chết nên vợ con ông H2 được hưởng. Vợ ông H2 là bà Nguyễn Thị T13 (đã chết), 03 người con là Đồng Thị Hồng G, Đồng Thành N1, Đồng Minh Đ3 (đã chết); ông Đ3 có vợ là bà Trần Thị Thanh X1 và con là Đồng Minh T7.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đồng Thị Hồng G, ông Đồng Thành N1, bà Trần Thị Thanh X1, ông Đồng Minh T7 đồng ý cho bị đơn ông Đồng Văn T1 1/6 giá trị nhà đất mà các ông bà được nhận từ ông Đồng Ngọc H2.

- Một kỷ phần cho ông Đồng Văn T1, tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do bà Đồng Thị Hồng G, ông Đồng Thành N1, bà Trần Thị Thanh X1, ông Đồng Minh T7 đồng ý cho bị đơn ông Đồng Văn T1 1/6 giá trị nhà đất mà họ được nhận từ ông Đồng Ngọc H2 nên tổng cộng ông T1 được nhận 1/3 giá trị nhà đất.

- Một kỷ phần cho ông Đồng Văn Q, tương đương 1/6 giá trị nhà đất. Do ông Q đã chết nên phần di sản của ông Q sẽ do vợ con của ông Q là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, ông Đồng Trung H4, ông Đồng Đình Đ4 được hưởng. Việc phân chia di sản giữa vợ con ông Q sẽ do họ tự giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Giá trị nhà đất được xác định tại thời điểm thi hành án.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản là nhà đất tại số A nay là số A đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để được hưởng phần giá trị tài sản theo quyết định của Tòa án, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc thi hành án.

II. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đồng Văn T1.

1. Buộc những người được hưởng di sản thừa kế của ông Đồng Văn T2, ông Đồng Văn Đ, ông Đồng Thiên T12, Đồng Văn Q phải trả cho ông T1 chi phí sửa chữa nhà là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), tương đương với phần di sản mà họ được hưởng.

Cụ thể:

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Văn T2 là bà Đồng Thị Mai H phải trả cho ông T1 số tiền 58.333.000 đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng);

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Đ là bà Đinh Thị Đ1 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim P1, ông Nguyễn Trường M, ông M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2 phải liên đới trả cho ông T1 số tiền 58.333.000 đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng);

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2) là ông Lê Hoàng L3 phải trả cho ông T1 số tiền 58.333.000 đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng);

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Q là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, ông Đồng Trung H4, ông Đồng Đình Đ4 phải liên đới trả cho ông T1 số tiền 58.333.000 đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Trường A phải trả lại cho ông T1 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và bà Đồng Thị Mai H phải trả lại cho ông T1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo các Biên nhận ngày 17/3/2021.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

III. Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí đo vẽ, thẩm định giá, ủy thác tư pháp là 50.937.000 đồng (làm tròn). Các chi phí này sẽ do những người được hưởng di sản nộp, tương ứng với tỷ lệ kỷ phần mà họ được hưởng. Do nguyên đơn bà G đã tạm ứng toàn bộ chi phí đo vẽ, thẩm định giá, ủy thác tư pháp nên những người được hưởng di sản phải trả lại chi phí này cho bà G. Ghi nhận việc bà G không yêu cầu ông Đồng Văn T1 phải trả lại cho bà các chi phí này.

Cụ thể:

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Văn T2 là bà Đồng Thị Mai H phải trả cho bà G số tiền 8.489.500 đồng (Tám triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng);

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Đ là bà Đinh Thị Đ1 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim P1, ông Nguyễn Trường M; ông M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2 – phải liên đới trả cho bà G số tiền 8.489.500 đồng (Tám triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng);

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2) là ông Lê Hoàng L3 phải trả cho bà G số tiền 8.489.500 đồng (Tám triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng);

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Q là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, Đồng Trung H4, Đồng Đình Đ4 phải liên đới trả cho bà G số tiền 8.489.500 đồng (Tám triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng).

IV. Về án phí:

Những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu chung án phí tương đương với phần di sản mà họ được hưởng.

Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Đồng Văn T2, ông Đồng Văn Đ, ông Đồng Thiên T12, ông Đồng Văn Q phải nộp án phí trên số tiền chi phí sửa chữa nhà mà họ phải trả cho ông T1.

Ông Nguyễn Trường A, bà Đồng Thị Mai H phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho ông T1.

Do ông T1, bà H, ông A là người cao tuổi và có đơn nộp cho Tòa án nên được miễn nộp án phí.

Như vậy:

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Đ là bà Đinh Thị Đ1 và các con gồm ông Nguyễn Trường A, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim P1, ông Nguyễn Trường M; ông M đã chết năm 2016, ông M có vợ là bà Hoàng Thị Tố L1 và các con là Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Hoàng Đ2 – phải liên đới nộp án phí số tiền 74.568.500 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng) (làm tròn).

- Đại diện cho những người thừa kế của ông Đồng Thiên T12 (Lê Hoàng C2) là ông Lê Hoàng L3 phải nộp án phí số tiền 74.568.500 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng) (làm tròn);

- Những người thừa kế của ông Đồng Văn Q là bà Nguyễn Huỳnh Thị Y, Đồng Trung H4, Đồng Đình Đ4 phải liên đới nộp án phí số tiền 74.568.500 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng) (làm tròn).

- Hoàn trả cho bà Đồng Thị Hồng G số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001996 ngày 19/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

V. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DSST2022TATP-61
1 000106 867216
31.05.2023 11:11
Đồng Thị Hồng Gấm